

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2022
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Triển

2. Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Chín- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Doanh P, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Doanh P ngày 25/3/2009, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong vợ chồng chị về ở chung cùng mẹ đẻ anh P. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Vợ chồng biết bảo nhau làm ăn. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có

tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Anh P nghi ngờ chị có quan hệ ngoài vợ chồng, nên hai bên cứ cãi vã nhau. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại để cùng nhau nói chuyện, hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được vì cả hai không còn tiếng nói chung nữa. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, áp lực. Chị đã về nhà mẹ đẻ từ giữa năm 2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, chị không muốn đoàn tụ nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 07/02/2010; Nguyễn Thị Hằng N, sinh ngày 17/9/2015; Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/4/2017. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu N, nhất trí để anh P nuôi cháu H và cháu T. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Doanh P trình bày: Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống ban đầu như chị V trình bày là đúng. Năm 2015 hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sau đó hai vợ chồng đã hàn gắn được. Đến năm 2021, hai vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị V có quan hệ ngoài vợ chồng với người đàn ông khác, nên hai vợ chồng có xô xát, cãi vã, chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7/2022 đến nay không về nhà anh P nữa. Nay chị V có đơn xin ly hôn, anh P nhất trí ly hôn để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là các cháu: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 07/02/2010; Nguyễn Thị Hằng N, sinh ngày 17/9/2015; Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/4/2017. Ly hôn anh P đề nghị được nuôi các cháu H và T, nhất trí để chị V nuôi dưỡng cháu N. Cấp dưỡng nuôi con chung anh P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía chính quyền địa phương cung cấp: Chị V và anh P kết hôn với nhau ngày 25/3/2009, và được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn của anh P, chị V không thuộc trường hợp bị đe dọa, cưỡng ép kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị V thì Ủy ban nhân dân xã không biết. Nay chị V xin ly hôn anh P và xin nuôi con, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề tình cảm và con chung theo quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Anh P hiện làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân ở xã V khoảng 150.000đ/1 ngày.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Thị Hằng N. Cháu H có nguyện vọng muốn được ở với anh P; cháu N muốn được ở với chị V.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị V, anh P đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Doanh P; về con chung: Giao cho chị V được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hằng N, sinh ngày 17/9/2015. Giao cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 07/02/2010; Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/4/2017. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị V và anh P không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Doanh P, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn X, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Doanh P đăng ký kết hôn ngày 25/3/2009, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Tường. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh P là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị V và anh P thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị V và anh P có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị V trình bày do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng không hạnh phúc. Anh P nghi ngờ chị có quan hệ ngoài vợ chồng, nên hai bên cứ cãi vã nhau. Chị và anh P đã nhiều lần ngồi lại với nhau nhưng không hàn gắn được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh P có hộ khẩu cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh P. Việc chị V xin ly hôn và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía anh P cũng thừa nhận anh và chị V mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung nên chị V xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị V xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị V và anh P có 03 con chung là các cháu: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 07/02/2010; Nguyễn Thị Hằng N, sinh ngày 17/9/2015; Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/4/2017. Hiện cả ba cháu đang ở với anh P. Theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hơn nữa nguyện vọng của cháu H là muốn được ở với anh P; cháu N muốn được ở với chị V. Còn cháu T thì do anh P và chị V trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều thống nhất để anh P nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu, cần giao cháu N cho chị V; giao cháu H, cháu T cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con chung chị V, anh P không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị V và anh P không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Doanh P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hằng N, sinh ngày 17/9/2015. Giao cho anh Nguyễn Doanh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 07/02/2010; Nguyễn Đức T, sinh ngày 24/4/2017. Hiện tại cả ba cháu đang ở

với anh P. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005671 ngày 18/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh